

*Bản án số: 15/2026/LĐ - ST
Ngày 15/07/2026*

*V/v: Tuyên bố hợp đồng lao
động vô hiệu và giải quyết hậu
quả của hợp đồng vô hiệu*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Kiên.

Ông Nguyễn Văn Vĩ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Minh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 07 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án lao động thụ lý số: 25/2026/TLST- LĐ ngày 07 tháng 05 năm 2026 về việc: Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2026/QĐST - LĐ ngày 27 tháng 06 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị H**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn X, xã S, thành phố Hà Nội.

CCCD số: 001189009434; cấp ngày 28/06/2021.

2. Bị đơn: **Chị Ngô Thị T**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn X, xã S, thành phố Hà Nội.

CCCD số: 001183018207; cấp ngày 10/07/2021.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty TNHH S1.

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Y, xã Y, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kim Iee S - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị M - Trưởng Phòng nhân sự cấp cao (Giấy ủy quyền số: 2512/GUQ-SEVT/2024/T.T.M ngày 25/12/2024).

3.2. Công ty TNHH S1.

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Y, phường V, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kim Iee S - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị T1 - Giám đốc nhân sự (Giấy ủy quyền số: 1108/GUQ-SEVT/2025/L.TT ngày 11/08/2025).

3.3. Bảo hiểm xã hội cơ sở P.

Địa chỉ: Tổ D, phường P, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Tuyết M1 - Giám đốc.

Vắng mặt chị Nguyễn Thị H, chị Ngô Thị T, bà Lê Thị T2, bà Trần Thị M và bà Nguyễn Tuyết M1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/04/2026 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Năm 2010, chị nộp hồ sơ xin việc tại Công ty TNHH N ở Lô C Khu công nghiệp N, xã S, thành phố Hà Nội. Sau khi ký hợp đồng lao động, chị đi làm và được Công ty trả lương, đóng bảo hiểm xã hội đúng quy định của pháp luật, số sổ bảo hiểm xã hội: 0110016826.

Năm 2013, chị T (là chị dâu của chị) muốn vào làm công nhân tại Công ty TNHH S1 để có thêm thu nhập. Nhưng khi đó chị T đã quá độ tuổi mà Công ty TNHH S1 tuyển dụng nên chị T đã hỏi mượn chứng minh nhân dân số 013018464 và thông tin cá nhân của chị để làm hồ sơ xin việc và ký các hợp đồng lao động với Công ty TNHH S1 (từ 08/2013 đến tháng 08/2014) và Công ty TNHH S1 (từ tháng 09/2014 đến tháng 02/2016). Trong thời gian làm công

nhân tại các công ty trên, chị T được trả lương, đóng bảo hiểm dưới tên của chị là Nguyễn Thị H, số sổ bảo hiểm xã hội là: 2713063971. Đến tháng 2/2016 thì chị T nghỉ việc.

Đến năm 2018, chị làm thủ tục thanh toán bảo hiểm xã hội đối với thời gian nghỉ thai sản thì phát hiện chị có 02 sổ bảo hiểm xã hội, trong đó sổ BHXH số 0110016826 do Công ty TNHH N1 đóng bảo hiểm là của chị, còn 01 sổ BHXH số 2713063971 do Công ty TNHH S1 đóng bảo hiểm cho chị T dưới tên chị.

Nay chị yêu cầu Tòa án tuyên bố các hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH S1 và Công ty TNHH S1 với chị Ngô Thị T (dưới tên Nguyễn Thị H) là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu liên quan đến vấn đề bảo hiểm.

Đối với số tiền do Bảo hiểm xã hội chi trả cho chị Ngô Thị T: Chị Ngô Thị T là người trực tiếp lao động và được công ty Đ nên việc chị Ngô Thị T được bảo hiểm xã hội thanh toán chế độ ốm đau, thai sản là chính xác, chị không có ý kiến hay đề nghị gì về số tiền này.

Về án phí: Chị xin chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Do bận công việc nên chị xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án của chị với chị T.

2. Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 27/06/2026, bị đơn là chị Ngô Thị T trình bày:

Chị là chị dâu của chị Nguyễn Thị H. Năm 2013, chị muốn xin làm công nhân tại Công ty TNHH S1 để có thêm thu nhập. Nhưng do chị quá độ tuổi mà Công ty TNHH S1 tuyển dụng và hiểu biết pháp luật hạn chế nên chị đã hỏi mượn chứng minh nhân dân và thông tin cá nhân của chị Nguyễn Thị H để làm hồ sơ xin việc làm tại Công ty TNHH S1. Sau đó, chị được tuyển dụng và ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH S1 nhưng dưới thông tin người lao động là Nguyễn Thị H. Sau khi vào làm việc tại Công ty TNHH S1, Công ty đã trả lương, thưởng và đóng bảo hiểm cho chị đầy đủ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, toàn bộ thông tin người lao động, đóng bảo hiểm của chị đều dưới tên Nguyễn Thị H, số sổ bảo hiểm xã hội là: 2713063971. Chị làm việc tại Công ty TNHH S1 đến tháng 07/2014 thì nghỉ việc.

Tháng 09/2014, chị tiếp tục sử dụng hồ sơ của chị Nguyễn Thị H để xin việc tại Công ty TNHH S1. Sau khi vào làm việc, chị cũng được hưởng các chế độ của người lao động theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng lao động và Công ty Đ cho chị dưới tên Nguyễn Thị H, số sổ bảo hiểm xã hội là: 2713063971. Chị làm công nhân tại đây đến tháng 02/2016 thì nghỉ việc, Công ty đã thanh toán các chế độ và trả sổ bảo hiểm cho chị.

Đối với chị Nguyễn Thị H: Năm 2010, chị H vào làm công nhân tại Công ty TNHH N. Quá trình làm việc, Công ty này cũng trả lương, thưởng và đóng bảo hiểm xã hội cho chị H đúng quy định, số bảo hiểm xã hội là: 0110016826. Do đó, chị H có 02 sổ sổ bảo hiểm, trong đó 01 sổ do Công ty TNHH N đóng cho chị H và 01 sổ do Công ty TNHH S1 đóng bảo hiểm cho chị (dưới tên chị Nguyễn Thị H).

Quá trình tham gia bảo hiểm từ tháng 03/2013 đến tháng 01/2016, chị được bảo hiểm xã hội thanh toán chế độ ốm đau và thai sản với tổng số tiền là 24.123.100 đồng, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về số tiền này.

Nay chị H yêu cầu Tòa án tuyên bố các Hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH S1 và Công ty TNHH S1 với chị (dưới tên Nguyễn Thị H) là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu về vấn đề bảo hiểm xã hội, chị đồng ý và không có ý kiến gì khác

Về án phí: Chị đồng ý với ý kiến của chị H.

Do bận công việc, chị xin vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH S1 là bà Trần Thị M trình bày (bút lục 42):

Ngày 13/05/2013 Công ty S2 đã giao kết Hợp đồng số: 56598/LC-SEV với chị Nguyễn Thị H sinh năm 1989, số CMT: 013018464. Chị H làm việc tại công ty S2 từ ngày 13/05/2013 đến ngày 15/08/2014, sau đó chấm dứt hợp đồng. Theo chính sách lưu trữ của Công ty, hồ sơ hợp đồng lao động của chị Nguyễn Thị H không còn được lưu giữ. Chị Nguyễn Thị H thuộc đối tượng tham gia BHXH tại công ty S2 trong giai đoạn từ 08/2013 ~08/2014.

Khi kết thúc hợp đồng lao động tại công ty S2, chị H chuyển lên Công ty TNHH S1 làm việc nên sổ bảo hiểm của chị H được chuyển lên Công ty TNHH S1.

Công ty TNHH S1 đề cao tính trung thực trong mọi hoạt động tuyển dụng, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc người lao động và người sử dụng lao động cần cung cấp thông tin chính xác cho bên còn lại để việc giao kết hợp đồng được thực hiện chính xác và đúng theo quy định của pháp luật. Mọi hành động gian dối (nếu có) trong việc giao kết hợp đồng lao động cần được xác minh và xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Do điều kiện công việc bận rộn tại Công ty, Công ty xin vắng mặt trong các buổi làm việc tại Tòa án.

3.2. Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH S1 là bà Lê Thị T1 trình bày (bút lục 47):

Bà Nguyễn Thị H đã nộp hồ sơ tuyển dụng, đã trúng tuyển và làm việc tại Công ty TNHH S1 (gọi tắt là Công ty S3) từ ngày 16/08/2014 đến ngày 01/04/2016. Trong quá trình làm việc tại Công ty, bà H đã giao kết 2 Hợp đồng lao động với Công ty S3: Hợp đồng thứ nhất số 19935/LC-SEVT từ ngày 16/08/2014 đến ngày 14/07/2015 và Hợp đồng thứ hai số 2_19935/LC-SEVT từ ngày 15/07/2015 đến ngày 01/04/2016.

Theo quy trình tuyển dụng của Công ty, trước khi chính thức giao kết Hợp đồng lao động, người lao động phải cung cấp bộ hồ sơ xin việc bao gồm: Bản sao công chứng Chứng minh nhân dân, Bản sao giấy khai sinh, Sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của chính quyền địa phương và một số giấy tờ khác. Tuy nhiên, bà H đã chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty S3 quá lâu; hồ sơ của bà H đã được hủy theo quy định lưu trữ nội bộ của Công ty trên cơ sở các quy định pháp luật liên quan.

Về tư cách chủ thể trong quan hệ lao động, căn cứ các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ tuyển dụng mang tên bà Nguyễn Thị H (có xác nhận của cơ quan, đơn vị, chính quyền). SEVT khẳng định đã tuyển dụng đúng, chính xác và giao kết hợp đồng lao động người có tên Nguyễn Thị H theo quy định nghĩa vụ cung cấp thông tin tại khoản 2 Điều 19 Bộ luật Lao động năm 2012 tại thời điểm ký kết hợp đồng lao động.

Sau khi chấm dứt quan hệ lao động với bà Nguyễn Thị H ngày 01/04/2016, Công ty đã hoàn tất thủ tục chốt sổ bảo hiểm cho thời gian người lao động làm

việc tại Công ty S3 và thông báo bà H đến nhận sổ bảo hiểm. Sau thời gian dài bà H không đến nhận, Công ty S3 đã bàn giao sổ bảo hiểm ra Cơ quan bảo hiểm cơ sở P, tỉnh Thái Nguyên để quản lý theo quy định của B.

Công ty S3 đã thực hiện đúng quy định của pháp luật liên quan đến việc giao kết và chấm dứt Hợp đồng lao động. Trường hợp các bên liên quan có hành vi lừa đảo, gây ảnh hưởng đến việc uy tín cũng như quá trình tuyển dụng của Công ty, đề nghị Tòa án xử lý theo quy định của pháp luật.

Do lịch trình công việc bận rộn nên bà Lê Thị T1 là đại diện theo uỷ quyền của Công ty S3 không thể tham dự phiên tòa do toà tổ chức. Công ty S3 đề nghị Toà xét xử vắng mặt và giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

3.3. Người đại diện theo pháp luật của Bảo hiểm xã hội cơ sở P trình bày (bút lục 59):

Bà Nguyễn Thị H, sinh ngày 15/02/1989, số CMT: 013018464, số Sổ BHXH: 2713063971, có quá trình tham gia BHXH:

- Từ tháng 08/2013 đến tháng 08/2014: Tham gia BHXH tại Công ty TNHH S1.

- Từ tháng 08/2013 đến tháng 03/2016: Tham gia BHXH tại Công ty TNHH S1.

Quá trình tham gia BHXH từ tháng 03/2014 đến tháng 01/2016. Tổng số tiền thành toán chế độ ốm: 1.223.100 đồng; chế độ thai sản 22.900.000 đồng. Tuy nhiên, BHXH không có ý kiến gì về số tiền đã hưởng chế độ này do trong thời gian tham gia, người lao động đã cung cấp đầy đủ thủ tục cần thiết để thanh toán chế độ.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã được cung cấp và diễn biến vụ án, Bảo hiểm xã hội cơ sở P đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội căn cứ các quy định pháp luật hiện hành, xem xét giải quyết vụ án theo đúng trình tự, thủ tục; trường hợp đủ điều kiện thì xem xét áp dụng theo hướng dẫn tại Khoản 5 Điều 402 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 ngày 25/11/2015 nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động theo quy định của pháp luật.

Do cơ quan hiện đang tập trung thực hiện nhiều nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch công tác của ngành, đồng thời nhân sự phụ trách liên quan không bố trí tham gia trực tiếp được nên Bảo hiểm xã hội cơ sở P đề nghị

Tòa án cho phép cơ quan được tham gia tố tụng bằng văn bản và xin vắng mặt trong quá trình làm việc, xét xử vụ án.

4. Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

4.1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4.2. Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 32, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2012; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Tuyên bố Hợp đồng lao động số: 56598/LC-SEV ngày 13/05/2013 được ký kết giữa Công ty TNHH S1 và chị Nguyễn Thị H (do chị Ngô Thị T ký) và Hợp đồng lao động số: 19935/LC-SEVT ngày từ ngày 16/08/2014; Hợp đồng lao động số: 19935/LC-SEVT ngày 13/07/2015 được ký kết giữa Công ty TNHH S1 và chị Nguyễn Thị H (do chị Ngô Thị T ký) là vô hiệu một phần đối với phần thông tin cá nhân của người lao động.

- Chị Nguyễn Thị H, chị Ngô Thị T và Công ty TNHH S1, Công ty TNHH S1 có trách nhiệm phối hợp với Bảo hiểm xã hội cơ sở Phở Yên để hiệu chỉnh hồ sơ BHXH cấp lại (hoặc cấp mới) sổ BHXH đối với thời gian chị Ngô Thị T mượn hồ sơ của chị Nguyễn Thị H để làm việc và tham gia BHXH.

- Về án phí: Chị Ngô Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H xin chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị H đã nộp theo biên lai thu của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hà Nội, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị H và chị Ngô Thị T đều có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn X, xã S, thành phố Hà Nội. Năm 2010, chị Nguyễn Thị H ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH N và được Công ty này tham gia bảo hiểm xã hội mang tên Nguyễn Thị H, số sổ BHXH: 0110016826. Đến năm 2013, chị Ngô Thị T mượn chứng minh nhân dân và các giấy tờ cá nhân của chị Nguyễn Thị H để ký kết các hợp đồng lao động với Công ty TNHH S1 và Công ty TNHH S1, chị T cũng được các Công ty này tham gia bảo hiểm xã hội dưới tên Nguyễn Thị H, số sổ BHXH 2713063971. Vì vậy, chị Nguyễn Thị H có 02 sổ bảo hiểm xã hội và không thể thanh toán bảo hiểm xã hội được. Thấy quyền lợi của mình bị xâm phạm, ngày 06/05/2026, chị Nguyễn Thị H nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố các Hợp đồng lao động được ký giữa Công ty TNHH S1 và Công ty TNHH S1 với chị Nguyễn Thị H (do chị Ngô Thị T ký) là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu về vấn đề bảo hiểm. Căn cứ khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự trong vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự nhưng chị Nguyễn Thị H, chị Ngô Thị T, bà Trần Thị M, bà Lê Thị T1 và bà Nguyễn Tuyết M1 đều có đơn vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về áp dụng pháp luật: Chị Ngô Thị T sử dụng họ tên và các thông tin cá nhân của chị Nguyễn Thị H để ký hết các hợp đồng lao động gồm: Hợp đồng lao động số: 56598/LC-SEV ngày 13/05/2013; Hợp đồng lao động số: 19935/LC-SEVT ngày 16/08/2014 và Hợp đồng lao động số: 19935/LC-SEVT ngày 13/07/2015 với Công ty TNHH S1 và Công ty TNHH S1. Các hợp đồng lao động nêu trên được ký kết tại thời điểm Bộ luật Lao động năm 2012 có hiệu lực thi hành nên cần áp dụng Bộ luật Lao động năm 2012 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về yêu cầu tuyên bố các Hợp đồng lao động vô hiệu:

Tại Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2012 quy định: “*Hợp đồng lao động là sự thoả thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm có trả lương, điều kiện làm việc, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động*”.

Tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012 quy định: “*Người lao động phải cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động về họ tên, tuổi, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*”.

Trên cơ sở các thông tin cá nhân tại hồ sơ xin việc do người lao động cung cấp, Công ty TNHH S1 đã ký kết hợp đồng lao động gồm: Hợp đồng lao động số: 56598/LC-SEV ngày 13/05/2013 với người lao động mang tên Nguyễn Thị H, thời hạn từ 13/05/2013 đến ngày 15/08/2014. Sau đó, người lao động mang tên Nguyễn Thị H tiếp tục ký kết Hợp đồng lao động số: 19935/LC-SEVT ngày 16/08/2014 và Hợp đồng lao động số: 19935/LC-SEVT ngày 13/07/2015 với Công ty TNHH S1.

Quá trình điều tra, Công ty TNHH S1 không cung cấp được Hợp đồng lao động số: 56598/LC-SEV ngày 13/05/2013 cho Tòa án mà chỉ cung cấp Xác nhận quá trình làm việc. Tuy nhiên lời khai của các đương sự cũng như các tài liệu có trong hồ sơ đã thể hiện các thông tin cần thiết của hợp đồng như: Số, ngày tháng ký kết hợp đồng, thông tin người lao động, công việc của người lao động, thời gian làm việc, các chế độ mà người lao động được hưởng... Như vậy, các hợp đồng lao động nêu trên có nội dung, hình thức đúng theo quy định tại Điều 15, Điều 16 và Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012 nên có hiệu lực thi hành.

Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử thấy: Lời khai của các đương sự và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, mặc dù thông tin người lao động trên các Hợp đồng lao động nêu trên là chị Nguyễn Thị H nhưng người trực tiếp ký kết các hợp đồng lao động là chị Ngô Thị T. Nguyên nhân của sự sai lệch này do chị Ngô Thị T đã mượn chứng minh nhân dân và sử dụng thông tin cá nhân của chị Nguyễn Thị H để làm hồ sơ xin việc rồi ký kết các hợp đồng lao động với Công ty TNHH S1 và Công ty TNHH S1. Việc chị Ngô Thị T sử dụng chứng minh nhân dân và thông tin của người khác để ký kết hợp đồng lao động là không trung thực, vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng quy định

tại Điều 132 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Tuy nhiên, sai phạm của chị Ngô Thị H1 không nhằm mục đích vụ lợi cá nhân mà chỉ xuất phát từ mong muốn được làm việc tại các công ty để có thu nhập nuôi sống bản thân và gia đình. Đồng thời trên thực tế, chị Ngô Thị T đã trực tiếp làm việc, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng lao động đã ký kết và cũng được hưởng các quyền lợi chính đáng như được hưởng lương, thưởng, tham gia bảo hiểm xã hội theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy có thể thấy, ngoài sai sót về thông tin cá nhân của người lao động trong các hợp đồng lao động nêu trên thì các thông tin còn lại trong hợp đồng đều phù hợp với quy định của pháp luật và đã được các bên giao kết hợp đồng (người lao động và người sử dụng lao động) thực hiện đầy đủ, đúng pháp luật. Mặt khác tại khoản 2 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012 quy định: *“Hợp đồng lao động vô hiệu từng phần khi nội dung của phần đó vi phạm pháp luật nhưng không ảnh hưởng đến các phần còn lại của hợp đồng”*. Vì vậy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H tuyên bố Hợp đồng lao động số: 56598/LC-SEV ngày 13/05/2013 được ký kết giữa người sử dụng lao động là Công ty TNHH S1 và người lao động mang tên chị Nguyễn Thị H (do chị Ngô Thị T ký) cũng như Hợp đồng lao động số: 19935/LC-SEVT ngày 16/08/2014 và Hợp đồng lao động số: 19935/LC-SEVT ngày 13/07/2015 được ký kết giữa người sử dụng lao động là Công ty TNHH S1 và người lao động mang tên chị Nguyễn Thị H (do chị Ngô Thị T ký) là vô hiệu một phần đối với phần thông tin cá nhân người lao động.

[3.2] Về giải quyết hậu quả pháp lý của Hợp đồng lao động vô hiệu một phần:

[3.2.1] Về sổ bảo hiểm xã hội:

Tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Lao động năm 2012 quy định:

“a) Quyền, nghĩa vụ và lợi ích của các bên được giải quyết theo thỏa ước lao động tập thể hoặc theo quy định của pháp luật;

b) Các bên tiến hành sửa đổi, bổ sung phần của hợp đồng lao động bị tuyên bố vô hiệu để phù hợp với thỏa ước lao động tập thể hoặc pháp luật về lao động”.

Do các hợp đồng lao động ký kết giữa Công ty TNHH S1 và Công ty TNHH S1 với người lao động Ngô Thị T (mượn tên chị Nguyễn Thị H) đều đã chấm dứt trước khi chị Nguyễn Thị H khởi kiện tại Tòa án nên không thực hiện

theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 Bộ luật Lao động năm 2012. Tuy nhiên, như đã nhận định ở phần trên, thời gian chị Ngô Thị T làm việc tại Công ty TNHH S1 và Công ty TNHH S1, các công ty này đã tham gia bảo hiểm xã hội cho chị Ngô Thị T dưới tên Nguyễn Thị H dẫn đến sai lệnh về bảo hiểm xã hội, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị H. Vì vậy chị Nguyễn Thị H, chị Ngô Thị T, Công ty TNHH S1 và Công ty TNHH S1 có trách nhiệm phối hợp với Bảo hiểm xã hội cơ sở Phổ Yên để hiệu chỉnh hồ sơ BHXH, cấp lại hoặc cấp mới sổ BHXH đối với thời gian chị Ngô Thị T mượn hồ sơ của chị Nguyễn Thị H để làm việc và tham gia BHXH.

[3.2.2] *Về chế độ bảo hiểm xã hội:* Trên cơ sở tài liệu do Bảo hiểm xã hội cơ sở Phổ Yên cung cấp thì quá trình tham gia BHXH từ tháng 03/2014 đến tháng 01/2016, chị Nguyễn Thị H đã được thanh toán bảo hiểm xã hội gồm chế độ ốm: 1.223.100 đồng và chế độ thai sản 22.900.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, chị Ngô Thị T xác nhận đã hưởng số tiền này, đồng thời, chị Nguyễn Thị H và Bảo hiểm xã hội cơ sở Phổ Yên không có ý kiến gì về số tiền này nên ghi nhận.

[4] *Về án phí:* Căn cứ Điều 143, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Ngô Thị T phải nộp án phí lao động sơ thẩm theo quy định pháp luật. Tuy nhiên quá trình điều tra, chị Nguyễn Thị H tự nguyện nộp án phí thay chị Ngô Thị T nên ghi nhận.

[5] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 15, Điều 16, Điều 17, khoản 2 Điều 50, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012.

- Khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 267, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 2, 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Tuyên bố Hợp đồng lao động số: 56598/LC-SEV ngày 13/05/2013 được ký kết giữa Công ty TNHH S1 với người lao động Nguyễn Thị H (do chị Ngô Thị T ký) và Hợp đồng lao động số: 19935/LC-SEVT ngày 16/08/2014; Hợp đồng lao động số: 19935/LC-SEVT ngày 13/07/2015 được ký kết giữa Công ty TNHH S1 với người lao động Nguyễn Thị H (do chị Ngô Thị T ký) là vô hiệu một phần đối với phần thông tin người lao động.

2. Chị Nguyễn Thị H, chị Ngô Thị T, Công ty TNHH S1 và Công ty TNHH S1 có trách nhiệm phối hợp với Bảo hiểm xã hội cơ sở Phở Yên để hiệu chỉnh hồ sơ BHXH, cấp lại hoặc cấp mới sổ BHXH đối với thời gian chị Ngô Thị T mượn hồ sơ của chị Nguyễn Thị H để làm việc và tham gia BHXH.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H, chị Ngô Thị T và Bảo hiểm xã hội cơ sở Phở Yên không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền 24.123.100 đồng mà chị Ngô Thị T (dưới tên chị Nguyễn Thị H) đã được thanh toán bảo hiểm xã hội về chế độ ốm đau và thai sản.

4. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H nộp 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng lệ phí tại theo Biên lai số 0010937, ký hiệu BLTU/26E ngày 07/05/2026 của Thị hành án dân sự thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H, chị Ngô Thị T, Công ty TNHH S1, Công ty TNHH S1 và Bảo hiểm xã hội cơ sở P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận

- Đường sự;
- VKSND Khu vực 7 - Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Hồng

